TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2025/DS-PT Ngày: 29-4-2025 **V/v:** "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tâm

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 80/2025/QĐ-PT ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1971; cư trú tại số B, đường N, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Tiến L1, sinh năm: 1986; địa chỉ: số G, đường H, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1442, Quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 31/3/2025); có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn N, sinh năm: 1966, bà Đinh Thị Thúy H, sinh năm: 1980; cư trú tại số A, quốc lộ B, Thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị P, sinh năm: 1975; địa chỉ: lô E, D, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 695, Quyển số 02/2025 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C1 chứng nhận ngày 19/02/2025); có mặt.

Người kháng cáo: Vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 26/12/2023 của bà Lê Thị L, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Phạm Tiến L1, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, thì:

Do có mối quan hệ quen biết, nên từ 2019 đến cuối năm 2022 bà L có cho vợ chồng ông N, bà H vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay bao nhiêu bà không nhớ, có những khoản đã trả có khoản chưa trả, ngày 03/12/2022 hai bên chốt nợ lại thì bị đơn còn nợ bà L số tiền là 1.400.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, thời hạn trả ngày 15/01/2023. Ngày 03/02/2023 bà H có trả cho bà L được 400.000.000đ tiền gốc, chưa trả tiền lãi. Trước ngày 03/12/2022 thì vợ chồng ông N, bà H chuyển cho bà nhiều lần được 70.000.000đ tiền lãi, nhưng từ khi hai bên xác nhận nợ thì chưa trả khoản lãi nào đối với số tiền vay gốc 1.400.000.000đ. Do bà H trả được một phần tiền lãi nên khi khởi kiện bà L chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vay gốc là 1.000.000.000đ.

Việc bà H trình bày ngoài khoản 400.000.000đ đã trả thì có trả cho bà L 100.000.000đ nên nay chỉ xác nhận còn nợ 900.000.000đ là không đúng nên bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc là 1.000.000.000đ.

- Theo lời trình bày của bà Đinh Thị Thúy H thì: Vào năm 2019 vợ chồng bà có vay tiền của bà L nhiều lần; đến ngày 03/12/2022 thì vợ chồng bà chốt nợ với số tiền là 1.400.000.000đ. Đến ngày 03/02/2023 vợ chồng bà trả cho bà L 400.000.000đ, sau đó khoảng 10 ngày bà trả tiền mặt cho bà L 100.000.000đ. Từ năm 2019, 2020, 2021, 2022 khi vay vợ chồng bà trả gốc và lãi đầy đủ cho bà L, có tháng bà trả 84.000.000đ tiền lãi, khi trả lãi thì bà đưa tiền mặt nên không có chứng cứ, riêng năm 2022 và đầu năm 2023 bà đã trả cho bà L gần 900.000.000đ tiền lãi. Bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền 900.000.000đ, đề nghị Tòa án xem xét tiền lãi theo quy định pháp luật và mong muốn bà L giảm cho bà một phần tiền gốc. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc là 700.000.000đ.

Ngoài ra, bà có chơi huê với bà L và còn nợ tiền huê bà L nhưng bà L và bà thỏa thuận tiền huê bà sẽ trả dần.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 02/2025/DS - ST ngày 06/01/2025; Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với bà Đinh Thị Thúy H, ông Võ Văn N về việc: "Tranh chấp về hợp đồng Dân sự vay tài sản".

Buộc bà Đinh Thị Thúy H, ông Võ Văn N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền vay gốc 1.000.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 20/01/2025 và ngày 06/02/2025 vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Phạm Tiến L1 và người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông N, bà H thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Vợ chồng ông N, bà Hòa đồng Ý trả cho bà Lê Thị L số tiền 800.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: do tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H; thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng: tại "Giấy nhận nợ" ngày 03/12/2022 thể hiện nội dung *"Hôm nay ngày 03/12/2022 vợ chồng tôi chốt lại là nợ chị L số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Đinh Thị Thúy H, chồng Võ Văn N; ngụ tại số A, quốc lộ B, thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng tôi hứa đến ngày 15/01/2023 vợ chồng tôi sẽ hoàn trả cả lời và gốc cho vợ chồng chị L. Nếu có gì sai vợ chồng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật..."*. Phía dưới có chữ ký và ghi họ tên của vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H.

Vợ chồng ông N, bà H cũng thừa nhận ngày đến ngày 03/12/2022 còn nợ nguyên đơn số tiền 1.400.000.000đ nên có ký vào giấy nhận nợ ngày 03/12/2022, tuy nhiên cho rằng do từ năm 2019, 2020 và năm 2021 khi vay tiền thì đã trả tiền

lãi hàng tháng cho bà L, có tháng trả 84.000.000đ, khi thì trả bằng tiền mặt, riêng năm 2022 và đầu năm 2023 bà H đã trả cho bà L số tiền gần 900.000.000đ.

Do vậy có căn cứ xác định bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền nói trên.

[3] Tại phiên tòa, anh Phạm Tiến L1, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L và bà Hồ Thị P, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông N, bà H, thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Vợ chồng ông N, bà Hòa đồng Ý trả cho bà Lê Thị L số tiền 800.000.000đ. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[4] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

Vợ chồng ông N, bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà Lê Thị L. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên vợ chồng ông N, bà H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H; sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS - ST ngày 06/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Vợ chồng ông N, bà H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Vợ chồng ông Võ Văn N, bà Đinh Thị Thúy H phải chịu 36.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009331 và số 0009332 ngày 14/02/2025 đều của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo

Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông N, bà H còn phải chịu 35.400.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà L được nhận lại số tiền 21.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006211 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Vợ chồng ông N, bà H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng TTr - KTr & THA (01);
- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch